TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2019/DS-ST
Ngày: 18 - 9 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Vòng Cảnh Mỹ Dung

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P Việt Nam; địa chỉ: Tháp BIDV, số 35 đường V, phường T, quận K, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 - Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch M - Ngân hàng TMCP P Việt Nam - Chi nhánh A, Bình Dương; địa chỉ: Số 336A, đường Đ, khu phố B, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Quyết định ủy quyền số 1055/QĐ-BIDV.DABD ngày 29/11/2018), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Mạnh C, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị Th, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Số 59, Đường số 2, Khu dân cư H, Tổ 69, Khu phố 5, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP P Việt Nam - Chi nhánh A - Bình Dương - Phòng Giao dịch M, trước đây là Ngân hàng TMCP P Việt Nam - Chi nhánh B - Phòng Giao dịch M và ông Vũ Mạnh C, bà Phạm Thị Th, có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9392671/HĐTD-BM ngày 20/01/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2017/9392671/HĐTD.SĐBS-BM ngày 20/02/2017. Số tiền vay 715.000.000 đồng; thời hạn vay từ ngày 20/01/2017 đến ngày 20/01/2020; lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận theo quy định của Ngân hàng; lãi suất từng lần rút được thể hiện trên bảng kê rút vốn vay; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ông C, bà Th thế chấp tài sản là xe ô tô hiệu Mazda CX5, biển số 61A-348… đã được Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 043302 ngày 03/02/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C, bà Th thường xuyên vi phạm nghĩa vụ nộp lãi và tiền nợ gốc. Do đó, Ngân hàng TMCP P Việt Nam yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương buộc:

Ông C, bà Th trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/11/2018 là: 678.927.660 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 630.000.000 đồng; lãi trong hạn: 36.637.986 đồng và tiền lãi quá hạn: 12.289.674 đồng.

Trường hợp ông C, bà Th không trả các khoản nợ trên, ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Mạnh C, bà Phạm Thị Th không đến Tòa án làm việc, hòa giải; không nộp văn bản nêu ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn trình bày: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của ngân hàng thì ngày 03/6/2019, ông C, bà Th trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền lãi. Do đó, ngân hàng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền nợ (tính đến ngày 16/9/2019), như sau: Buộc ông C, bà Th trả số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 77.204.653 đồng, tiền lãi quá hạn là 30.701.813 đồng; đại diện nguyên đơn không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án.

- Bị đơn ông Vũ Mạnh C, bà Phạm Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông C, bà Th.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa: Hội đồng xét

xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các quy định pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự thì nguyên đơn, đại diện nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P Việt Nam là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố M, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Về thời hiệu khởi kiện, do bị đơn không có yêu cầu áp dụng quy định thời hiệu khởi kiện nên tranh chấp này Tòa xác định không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự).

Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, phù hợp Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa chấp nhận.

[2] Quá trình giải giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông C, bà Th không đến tham gia phiên họp. Sau khi mở phiên họp, Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho ông C, bà Th biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng ông C, bà Th không có ý kiến phản bác lời trình bày và các giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 1, 5 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa xác định tất cả các giấy tờ, tài liệu và lời trình bày của đại diện nguyên đơn được xem chứng cứ của vụ án.

Xét Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9392671/HĐTD- BM ngày 20/01/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2017/9392671/HĐTD.SĐBS-BM ngày 20/02/2017 giữa Ngân hàng TMCP P

Việt Nam - Chi nhánh B - Phòng Giao dịch M (nay là Ngân hàng TMCP P Việt Nam - Chi nhánh A - Bình Dương - Phòng Giao dịch M) và ông C, bà Th, thấy rằng: Về hình thức và nội dung của hợp đồng không trái pháp luật, phù hợp Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 17 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam) nên phát sinh hiệu lực.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9392671/HĐTD.SĐBS-BM ngày 20/02/2017 giữa Ngân hàng TMCP P Việt Nam - Chi nhánh B - Phòng Giao dịch M (nay là Ngân hàng TMCP P Việt Nam - Chi nhánh A - Bình Dương - Phòng Giao dịch M) và ông C, bà Th là loại hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất, có thế chấp tài sản bảo đảm. Đến hạn trả lãi, gốc, ông C, bà Th không trả là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP P Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông C, bà Th trả lại số nợ gốc 600.000.000 đồng là hoàn toàn chính đáng, phù hợp thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 25 của Quy chế cho vay.

Xét mức lãi suất, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn, thấy rằng: Theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 11 của Quy chế cho vay thì ngân hàng được quyền thỏa thuận mức lãi suất cho vay đối với ông C, bà Th. Do đó việc thỏa thuận lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn ghi trong hợp đồng tín dụng là không trái quy định pháp luật. Vì vậy, khi ông C, bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng yêu cầu trả số tiền lãi trong hạn 77.204.653 đồng, tiền lãi quá hạn là 30.701.813 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu phát mãi tài sản của nguyên đơn, thấy rằng: Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/2017/9392671/HĐBĐ-BM ngày 20/02/2017 giữa ngân hàng và ông C, bà Th được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP, ngày 29/12/2006 và Nghị định 11/2012/NĐ-CP, ngày 22/2/2012 của Chính phủ nên phát sinh hiệu lực. Do đó, trường hợp ông C, bà Th không trả số nợ trên thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ cho ngân hàng.

Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C, bà Th phải chịu án phí theo quy định pháp luật; trả lại Ngân hàng TMCP P Việt Nam tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 95, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 và các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P Việt Nam về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản đối với bị đơn ông Vũ Mạnh C, bà Phạm Thị Th.

Buộc ông C, bà Th trả cho Ngân hàng TMCP P Việt Nam số tiền 707.906.466đ (bảy trăm lẻ bảy triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn 77.204.653đ (bảy mươi bảy triệu hai trăm lẻ bốn nghìn, sáu trăm năm mươi ba đồng) và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16/9/2019 là 30.701.813đ (ba mươi triệu, bảy trăm lẻ một nghìn, tám trăm mười ba đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9392671/HĐTD-BM ngày 20/01/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2017/9392671/HĐTD.SĐBS-BM ngày 20/02/2017.

Tiền lãi từ ngày 17/9/2019 trở đi được tiếp tục tính trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết nợ.

Sau khi ông C, bà Th trả hết số nợ trên, Ngân hàng TMCP P Việt Nam có trách nhiệm xóa đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản, trả lại ông C, bà Th bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 043302 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Bình Dương cấp cho ông C ngày 03/02/2017.

Trường hợp ông C, bà Th không trả số tiền trên hoặc trả nhưng không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP P Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản là chiếc xe nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 61A-348… theo Hợp đồng thế chấp số: 12/2017/9392671/HĐBĐ-BM ngày 20/02/2017 giữa Ngân hàng TMCP P Việt Nam - Chi nhánh B - Phòng Giao dịch M và ông C, bà Th.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Ông C, bà Th nộp số tiền 32.316.000đ (ba mươi hai triệu, ba trăm mười sáu ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

Ngân hàng TMCP P Việt Nam được nhận lại số tiền 15.579.000đ (mười lăm triệu, năm trăm bảy mươi chín ngàn đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu số AA/2016/0033756, ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình